

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH THUẬN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2019/DS-ST

Ngày: 28-11-2019

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THUẬN, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Trường Hận.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Võ Thị Thúy An.

2. Bà Trần Thanh Hoa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Quảng Thị Kiều Diễm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thuận tham gia phiên tòa: Ông Danh Khênh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 11 năm 2019, tại Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 80/2019/TLST-DS ngày 02/7/2019 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 142/2019/QĐXXST-DS ngày 23/10/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 55/2019/QĐST-DS ngày 12/11/2019, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* **Ngân hàng V**; địa chỉ: 9, phường H, quận Đ, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật ông D - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền ông P, sinh năm 1994; địa chỉ: Số 04 P, phường T, thành phố G, tỉnh Kiên Giang.

* *Bị đơn:* Anh T, sinh năm 1990; địa chỉ: ấp T, xã N, huyện T, tỉnh Kiên Giang.

(Đại diện nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt lần 02 không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Theo đơn khởi kiện ngày 08/6/2019 nguyên đơn trình bày:* Anh T ký hợp đồng tín dụng số LN1706200084403/CLN/HĐTD ngày 26/6/2017 với Ngân hàng V (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) vay số tiền 287.000.000 đồng. Mục đích vay mua xe ô tô Chevrolet Spark, thời hạn vay là 72 tháng. Lãi suất cho vay là 9,9%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn. Kể từ khi vay cho đến nay anh T liên tục vi phạm hợp đồng, không thanh toán nợ cho Ngân hàng. Tạm tính

đến ngày 08/6/2019 anh T còn nợ theo hợp đồng này là 266.825.394 đồng, trong đó nợ gốc là 235.169.000 đồng, nợ lãi 31.656.394 đồng.

Ngoài ra, anh T còn ký hợp đồng thẻ tín dụng số 122-P-316010 mở ngày 22/6/2017 (trên cơ sở Giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng và đăng ký sử dụng dịch vụ ngân hàng điện tử lập ngày 22/6/2017) với hạn mức 35.000.000 đồng, mục đích vay tiêu dùng. Tạm tính đến ngày 08/6/2019 dư nợ là 25.832.086 đồng, trong đó nợ gốc 19.830.086 đồng, nợ lãi 6.001.553 đồng.

Tài sản bảo đảm cho khoản vay: 01 xe ô tô nhãn hiệu CHEVROLET, số loại SPARK, số khung 48DJHH944110, số máy 0356HLSX0150, biển kiểm soát 68A-062.45, theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 012777 đứng tên T do Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Kiên Giang cấp ngày 22/6/2017 (theo hợp đồng thế chấp xe ô tô số LN1706200084403/CLN/HĐTCSP ngày 26/6/2017).

Phía Ngân hàng đã nhiều lần liên hệ, nhắc thanh toán nợ nhưng anh T không thực hiện, mặc dù Ngân hàng đã tạo điều kiện về thời gian cho anh T trả nợ nhưng vẫn không có ý thức trả nợ cho Ngân hàng. Ngân hàng yêu cầu Tòa án buộc anh T trả ngay một lần số nợ gốc 254.999.533 đồng và lãi tạm tính đến ngày 08/6/2019 là 37.657.947 đồng; tổng cộng là 292.657.480 đồng. Ngoài ra anh T còn phải tiếp tục chịu lãi quá hạn do việc chậm thi hành án cho đến khi trả xong số nợ theo lãi suất thỏa thuận trong các hợp đồng đã ký. Trường hợp anh T không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự kê biên, phát mãi tài sản đã thế chấp. Sau khi phát mãi tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết nợ thì anh T phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ thanh toán hết khoản nợ còn lại.

Tại phiên tòa: Ngân hàng yêu cầu anh T có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng số tiền tạm tính đến ngày 28/11/2019 là 333.088.521 đồng (trong đó: nợ gốc 254.999.086 đồng; nợ lãi 78.089.435 đồng) và lãi phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến ngày thanh toán dứt nợ. Trường hợp anh T không thanh toán nợ thì yêu cầu cơ quan có thẩm quyền kê biên bán đấu giá tài sản đã thế chấp để thanh toán nợ.

** Bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án nên không có lời trình bày.*

** Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:*

Thẩm phán, Hội đồng xét xử và nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của mình khi tham gia tố tụng và chấp hành nội quy phiên tòa. Bị đơn vắng mặt phiên

tòa lần hai không lý do nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt là đúng quy định.

Về nội dung vụ án: Ngân hàng yêu cầu trả nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn đúng theo quy định của pháp luật nên đề nghị chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn là anh T đã được Tòa án triệu tập để kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng vắng mặt nên vụ án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ hai lần nhưng bị đơn đều vắng mặt không lý do, không vì sự kiện bất khả kháng nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Anh T ký hợp đồng tín dụng vay tiền tại Ngân hàng V, nhưng không thực hiện việc thanh toán nợ theo hợp đồng đã ký nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu thanh toán nợ, do đó xác định quan hệ pháp luật vụ án là “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

[2] Về nội dung vụ án: Ngày 26/6/2017 anh T ký hợp đồng tín dụng vay của Ngân hàng số tiền 287.000.000 đồng. Mục đích vay mua xe ô tô Chevrolet Spark, thời hạn vay là 72 tháng. Lãi suất cho vay là 9,9%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn. Ngoài ra, anh T còn ký hợp đồng thế tín dụng với hạn mức 35.000.000 đồng, mục đích vay tiêu dùng. Tính đến ngày 28/11/2019 anh T còn nợ Ngân hàng số tiền 333.088.521 đồng (trong đó: nợ gốc 254.999.086 đồng; nợ lãi 78.089.435 đồng).

Để bảo đảm cho khoản vay, anh T có ký hợp đồng thế chấp xe ô tô số LN1706200084403/CLN/HĐTCSP ngày 26/6/2017, tài sản thế chấp là: 01 xe ô tô nhãn hiệu CHEVROLET, số loại SPARK, số khung 48DJHH944110, số máy 0356HLSX0150, biển kiểm soát 68A-062.45, theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 012777 đứng tên T do Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Kiên Giang cấp ngày 22/6/2017.

Tuy nhiên, anh T đã nhiều lần vi phạm hợp đồng, không thanh toán nợ cho Ngân hàng theo hợp đồng đã ký. Mặc dù Ngân hàng đã nhắc nhở nhiều lần và tạo điều kiện về thời gian cho anh T thanh toán nợ nhưng anh T vẫn không có ý thức trả nợ. Tòa án đã tổ chức hòa giải để các bên thương lượng, tự thỏa thuận nhưng bị đơn cố T vắng mặt. Tòa án cũng đã tổ chức mở phiên tòa hai lần nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không lý do. Việc vắng mặt của bị đơn là tự đánh mất các quyền được tự thỏa thuận, mất quyền được trình bày ý kiến và tranh tụng tại phiên tòa.

Nguyên đơn là Ngân hàng đã cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh việc

anh T vay tiền, anh T không có ý kiến phản bác. Hợp đồng có thỏa thuận lãi suất không vượt mức quy định, do đó Hội đồng xét xử thấy yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ và phù hợp quy định của pháp luật nên cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn theo đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát. Theo đó, buộc anh T trả cho Ngân hàng số tiền nợ tạm tính đến ngày 28/11/2019 là 333.088.521 đồng (trong đó: nợ gốc 254.999.086 đồng; nợ lãi 78.089.435 đồng). Đồng thời anh T phải tiếp tục chịu lãi theo hợp đồng đã ký đối với số nợ chưa thi hành kể từ ngày 29/11/2019 cho đến khi thanh toán xong số nợ.

Sau khi án có hiệu lực mà anh T không thanh toán nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền kê biên, phát mãi tài sản đã thế chấp để thu hồi nợ, tài sản thế chấp là: 01 xe ô tô nhãn hiệu CHEVROLET, số loại SPARK, số khung 48DJHH944110, số máy 0356HLSX0150, biển kiểm soát 68A-062.45 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 012777 đứng tên T do Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Kiên Giang cấp ngày 22/6/2017.

[3] Án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 6, 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; yêu cầu của Ngân hàng được chấp nhận nên anh T chịu án phí đối với nghĩa vụ phải thi hành là 16.654.000 đồng.

Ngân hàng không chịu án phí nên được hoàn trả tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 91, 92, 147, 207, 227, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng; Điều 280, 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự; các Điều 6, Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Ngân hàng V đối với anh T; buộc anh T trả cho Ngân hàng số tiền 333.088.521 đồng (Ba trăm ba mươi ba triệu không trăm tám mươi tám nghìn năm trăm hai mươi một đồng). Trong đó: nợ gốc 254.999.086 đồng (Hai trăm năm mươi bốn triệu chín trăm chín mươi chín nghìn không trăm tám mươi sáu đồng), nợ lãi 78.089.435 đồng (Bảy mươi tám triệu không trăm tám mươi chín nghìn bốn trăm ba mươi lăm đồng).

Ngân hàng có quyền tiếp tục tính lãi theo mức lãi suất thỏa thuận của hợp đồng tín dụng đã ký đối với số nợ chưa thanh toán kể từ ngày 29/11/2019 cho đến khi thi hành án xong.

Sau khi án có hiệu lực mà anh T không thanh toán nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền kê biên bán đấu giá tài sản đã thế chấp gồm: 01 xe ô tô nhãn hiệu CHEVROLET, số loại SPARK, số khung 48DJHH944110, số máy 0356HLSX0150, biển kiểm soát 68A-062.45 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 012777 đứng tên T do Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Kiên Giang cấp ngày 22/6/2017.

2. Án phí sơ thẩm: Anh T chịu án phí là 16.654.000 đồng (Mười sáu triệu sáu trăm năm mươi bốn nghìn đồng).

Hoàn trả cho Ngân hàng số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 7.316.000 đồng (Bảy triệu ba trăm mười sáu nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000228 ngày 01/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

4. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Vĩnh Thuận;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Thuận;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Trường Hận